

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HS-ST

Ngày: 12- 4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Triển.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đoàn Văn Nhanh.

2. Bà Nguyễn Thị Hạnh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lữ Minh Vũ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Ông Lý Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

- Nguyễn Thị T - Sinh năm 1999, tại: Long An; nơi cư trú: Ấp, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1977; có chồng là Ngô Quang V, sinh năm: 1993 và 01 con chung sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh số 02 ngày 13/12/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra; bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị Thanh L - Sinh năm: 1989 - Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An. (Vắng mặt không lý do)

2. Ông Chu Văn H - Sinh năm: 1987 - Địa chỉ: Xóm 5, xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. (Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 07 giờ 30 phút, ngày 26/11/2018, tại ấp 2, xã Q, Công an huyện Đ bắt quả tang Nguyễn Thị T, điều khiển xe mô tô loại Wave α , màu trắng - đen, biển kiểm soát: 38L1-048.73 không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc phương tiện, nên đã lập biên bản đưa T cùng phương tiện về cơ quan công an để làm rõ.

Tại cơ quan Công an, T khai nhận: Vào ngày 17/11/2018, khi T đang ở nhà thì có một đối tượng nữ tên Lê Thị Thanh L, sinh năm 1989, hộ khẩu thường trú: ấp V, xã T, huyện Đ tìm đến hỏi T có việc làm không? Nếu không có việc làm thì chạy xe mô tô do người khác phạm tội mà có từ khu vực thành phố Hồ Chí Minh về huyện Đ cho L, L sẽ trả tiền công trót lọt mỗi chuyến là 500.000 đồng. Vì con của T còn nhỏ (sinh năm 2017) nên T chưa nhận lời ngay. Khoảng 10 giờ ngày 25/11/2018, L điện thoại lại hỏi T có chạy xe cho L được không? Lúc này do cần tiền tiêu sài nên T nhận lời, L kêu T đón xe buýt đến khu vực chợ đầu mối Thủ Đức (thành phố Hồ Chí Minh) để chờ, sẽ có người đến giao xe. T nhờ bạn của em gái T, tên Nguyễn Tấn S (sinh năm 1999, hộ khẩu thường trú: ấp M, xã T, huyện Đ) chờ T đến bến xe Hậu Nghĩa để đón xe buýt đi thành phố Hồ Chí Minh. T nói với S là đi mua đồ cho con của T. Sau khi đến khu vực chợ đầu mối Thủ Đức, do trời tối và không có xe như dự định, L kêu T tìm chỗ ngủ lại để chờ. Do bản thân không mang theo chứng minh nhân dân nên T gọi cho một người bạn tên Trần Quang T2 (sinh năm 1987, hộ khẩu thường trú: ấp L, xã N, huyện H, tỉnh Tây Ninh) để mượn chứng minh nhân dân thuê phòng trọ ngủ lại, đến 03 giờ 00 phút ngày 26/11/2018, L điện thoại lại nói đã có xe, kêu T ra khu vực chợ đầu mối Thủ Đức đứng chờ, sẽ có người đến giao xe. Sau đó một thanh niên lạ mặt đến hỏi hai số điện thoại cuối của T, xác nhận là đúng, người này giao cho T một xe mô tô loại Wave α , màu trắng đen, biển kiểm soát 38L1-048.73 không có chìa khóa, T điều khiển xe về đến ấp 2, xã Mỹ Quý Tây thì bị bắt quả tang.

Tang vật tạm giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, nhãn hiệu loại Wave α , màu trắng - đen - bạc, số khung: RLHHC1201BY591280, số máy: HC12E-3391328.

- 500.000 đồng, là tiền cá nhân của T.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, loại 1280, số sim 0968.628.224 là phương tiện T dùng liên lạc với các đối tượng trong quá trình gây án.

- 01 chứng minh nhân dân số 290866904 mang tên Trần Quang T2.

Tại kết luận định giá tài sản số 97/KL-TCKH ngày 28/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đức Huệ xác định: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, nhãn hiệu loại Wave α , màu trắng - đen - bạc, số khung: RLHHC1201BY591280, số máy: HC12E-3391328, tình trạng đã qua sử dụng, có giá trị 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Xử lý tang vật của cơ quan cảnh sát điều tra:

- Quá trình điều tra xác định: 01 xe mô tô (2 bánh) nhãn hiệu loại Wave α , màu trắng - đen - bạc, số khung: RLHHC1201BY591280, số máy: HC12E-3391328, đã qua sử dụng, ổ khóa bị phá hỏng, không có chìa khóa, chủ sở hữu được xác định là ông Chu Văn H, sinh năm: 1987, hộ khẩu thường trú: Xóm 5, xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 25/11/2018, ông H điều khiển xe của mình đến phòng trọ của Nguyễn Quang T3 tại địa chỉ: đường số 06, số nhà 59, khu phố N 1, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương để xem đá bóng, đến 22 giờ 30 phút cùng ngày, khi ông H ra về thì phát hiện xe đã bị mất trộm, ông đã đến Công an phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương trình báo vụ việc. Xét thấy không ảnh hưởng đến các hoạt động điều tra tiếp theo, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Huệ đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Chu Văn H, theo quyết định xử lý vật chứng số 11 ngày 17/01/2019 của cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Đức Huệ, sau khi nhận lại xe mô tô, ông H không có yêu cầu gì khác nên không đề cập.

Đối với Trần Quang T2: hiện không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ, không làm việc được. Ngoài lời khai của bị cáo T thì không có chứng cứ, tài liệu nào khác chứng minh T2 phạm tội nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở xử lý đối với T2, nên không đề cập.

Đối với Nguyễn Tấn S: S không thừa nhận việc chở T đến bến xe Hậu Nghĩa để đón xe buýt đi thành phố Hồ Chí Minh, S cũng không biết việc T tham gia vận chuyển xe mô tô do người khác phạm tội mà có. Ngoài lời khai của bị cáo T thì không có chứng cứ tài liệu nào khác để chứng minh nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở xử lý đối với đối tượng này, nên không đề cập.

Đối với Lê Thị Thanh L: L không thừa nhận việc có quen biết hay thuê T tham gia vận chuyển xe do người khác phạm tội mà có. Đã tổ chức đối chất về nội dung mâu thuẫn trên, nhưng không thu được kết quả. Ngoài lời khai của bị cáo T thì không có chứng cứ tài liệu nào khác để chứng minh nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở xử lý đối với đối tượng này, nên không đề cập.

Đối với các đối tượng giao xe: do không xác định được nhân thân, lai lịch nên không mời làm việc được, không có đủ cơ sở chứng minh, nên không đề cập.

Cáo trạng số: 16/CT-VKS-ĐH ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ sau khi phân tích tính chất của hành vi và hậu quả xảy ra, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ: khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Điều 32, Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Phản Cơ quan điều tra đã xử lý xong nên không đề cập xem xét.

- 500.000 đồng, là tiền cá nhân của bị cáo T không liên quan đến quá trình phạm tội, đề nghị trả lại cho bị cáo.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, loại 1280, số sim 0968.628.224 là phương tiện T dùng liên lạc với các đối tượng để thực hiện tội phạm, đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- 01 chứng minh nhân dân số 290866904 mang tên Trần Quang T2 đề nghị trả lại cho bị cáo để bị cáo trả lại cho Trần Quang T2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan:

1. Ông Chu Văn H vắng mặt tại phiên tòa trong lời khai trình bày đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề cập.

2. Bà Lê Thị Thanh L vắng mặt tại phiên tòa trong lời khai trình bày không có thuê bị cáo T tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, do không đủ cơ sở để chứng minh nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào ngày 26/11/2018 (khoảng 3 giờ 00 phút), Nguyễn Thị T đã nhận lời vận chuyển và tiêu thụ 01 xe mô tô (2 bánh) nhãn hiệu loại Wave α , màu trắng - đen - bạc, số khung: RLHHC1201BY591280, số máy: HC12E-3391328 do người khác phạm tội mà có cho một người không rõ địa chỉ (chỉ biết tên L) từ khu vực Chợ đầu mối quận Thủ Đức (thành phố Hồ Chí Minh) về khu vực Tho Mo thuộc xã M, huyện Đ để tiêu thụ với giá tiền công vận chuyển là 500.000 đồng (bị cáo chưa nhận tiền công). Khi bị cáo T vận chuyển xe mô tô nói trên đến ấp 2, xã Mỹ Quý Tây thì bị lực lượng chức năng bắt giữ người cùng tang vật. Qua định giá tài sản xe mô tô nói trên có giá trị là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) .

[2] Các quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can của cơ quan cảnh sát điều tra, quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can và cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ truy tố bị cáo điều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Hành vi tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên điều thực hiện đúng và hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản bắt người phạm tội quả tang do công an huyện Đ lập lúc 08 giờ 00 phút ngày 26/11/2018, kết luận định giá tài sản số 97/KL-TCKH ngày 28/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đức Huệ và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở đó đã có đủ bằng chứng để kết luận rằng bị cáo Nguyễn Thị T phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự 2015. Như vậy, cáo trạng số: 16/CT-VKS-ĐH ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T với tội danh và điều luật nêu trên là có cơ sở đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị T là nguy hiểm cho xã hội, vì hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến trật tự công cộng và trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà còn gây trở ngại cho công tác điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự, tạo điều kiện khuyến khích cho những người khác đi vào con đường phạm tội. Bị cáo biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi trên của bị cáo phải được xử lý nghiêm. Xét thấy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Xét thấy bị cáo Nguyễn Thị T trong quá trình xét xử thật thà khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bản thân bị cáo phải trực tiếp nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, do đó khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị T là có cơ sở theo quy định pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan ông Chu Văn H vắng mặt tại phiên tòa trong lời khai không yêu cầu nên không đề cập xem xét. Nếu sau này có phát sinh yêu cầu bồi thường sẽ tách ra giải quyết bằng một vụ án khác.

[8] Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Phần Cơ quan điều tra đã xử lý xong không có yêu cầu xem xét lại nên không đề cập xem xét.

- 500.000 đồng, là tiền cá nhân của T, không liên quan việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo là phù hợp.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, loại 1280, số sim 0968.628.224 là phương tiện T dùng liên lạc với các đối tượng khi lách thực hiện tội phạm, nên cần phải tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- 01 chứng minh nhân dân số 290866904 mang tên Trần Quang T2 là bị cáo mượn để thuê phòng trọ nên trả lại cho bị cáo để bị cáo trả lại cho Trần Quang T2

[9] Đối với bà Lê Thị Thanh L, cơ quan cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát không đủ chứng cứ chứng minh có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị T nên không xem xét xử lý trong vụ án này là phù hợp.

[9.1] Đối với những người giới thiệu, chủ thuê, người giao nhận xe cho bị cáo, không xác định được nhân thân, lai lịch, địa chỉ, không làm việc được. Cơ quan CSĐT tiếp tục thẩm tra, xác minh đề xuất xử lý sau, nên không đề cập xử lý trong vụ án này là phù hợp. Nhằm bỏ lọt tội phạm không được xử lý, kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh để xử lý sau theo qui định của pháp luật.

[10] Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 32, Điều 65 Bộ luật hình sự; Các 106, Điều 135, Điều 136, Điều 299, Điều 326 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 01 (một) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 12/4/2019).

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Long An theo dõi, giáo dục trong thời gian thi hành án treo.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thị T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về các biện pháp tư pháp: Tịch thu sung công quỹ: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, loại 1280, số sim 0968.628.224 đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T: 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) và 01 chứng minh nhân dân số 290866904 mang tên Trần Quang T2.

Tang vật do chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Huệ đang quản lý.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

6. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (ngày 12/4/2019). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Công an huyện Đức Huệ;
- CC.THADS huyện Đức Huệ;
- Bị cáo; Liên quan;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ. án văn:

Nguyễn Văn Triển